TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Đoàn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn R, sinh năm 1976 (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lâm Thị M, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp 2, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-12-2019 và biên bản hòa giải ngày 28-02-2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Bùi Văn R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn R và chị Lâm Thị M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ý kiến nên thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn dẫn đến ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay anh R yêu cầu ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Minh K (nam), sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành. Cháu Bùi Minh T (nữ) sinh ngày 12/7/2015, hiện đang sống với chị M. Khi ly hôn anh R đồng ý giao Minh T cho chị M nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Minh T đủ 18 tuổi.

Tại biên bản hòa giải ngày 28-02-2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là chị Lâm Thị M trình bày: Chị M thống nhất theo như lời trình bày của anh R về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh R độc đoán trong quản lý tài chính và anh R có mối quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác. Nay chị M đồng ý ly hôn với anh R.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Minh K và Bùi Minh T (nữ) sinh ngày 12/7/2015. Chị M đồng ý tiếp tục nuôi cháu Minh T và thống nhất anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Anh R và chị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn R và chị Lâm Thị M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998. Tuy anh R và chị M xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh R và chị M không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung:

[2.1] Anh R và chị M thỏa thuận giao cháu Bùi Minh T (nữ), sinh ngày 12/7/2015 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Minh T đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Giao cháu Minh T cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.2] Đối với Bùi Minh K (nam), sinh năm 1998, hiện nay đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất cũng như khả năng nhận thức bình thường nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh R và chị M không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 và 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Bùi Văn R và chị Lâm Thị M là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Minh T (nữ) sinh ngày 12/7/2015 cho chị Lâm Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Bùi Văn R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh Bùi Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Minh T mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày 06-3-2020 cho đến khi cháu Minh T đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền phải cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí sơ thẩm:

Anh Bùi Văn R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 31 tháng 12 năm 2019, anh R đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004774 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đối trừ anh R còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Bùi Văn R và chị Lâm Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út